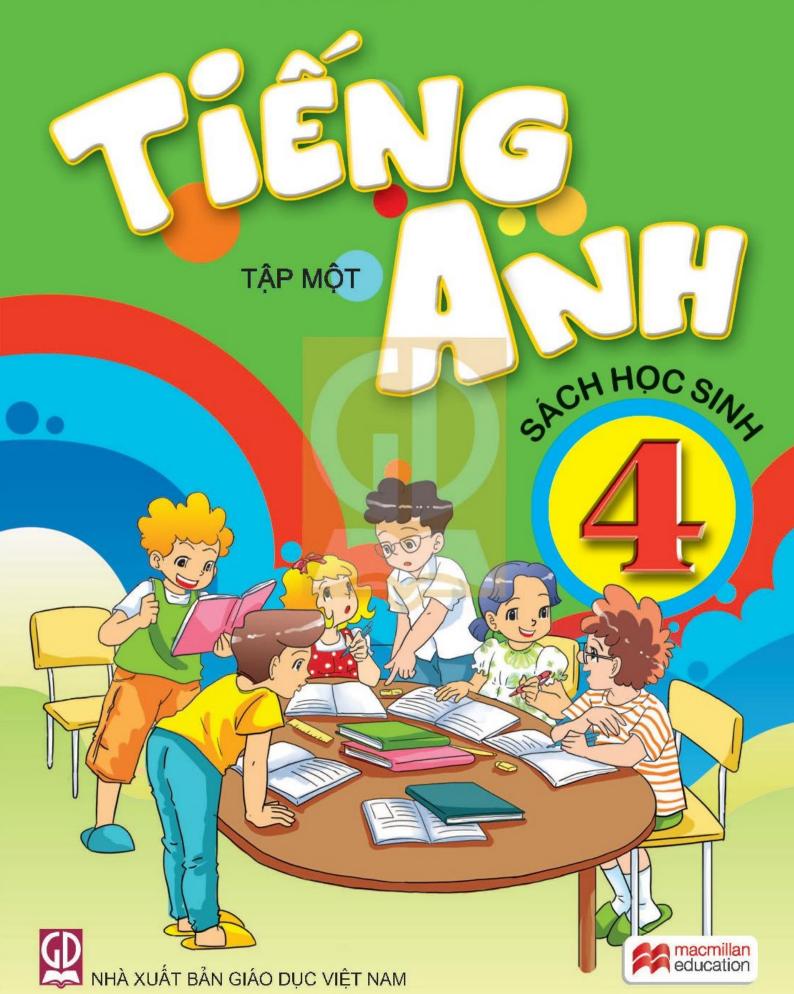
### BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



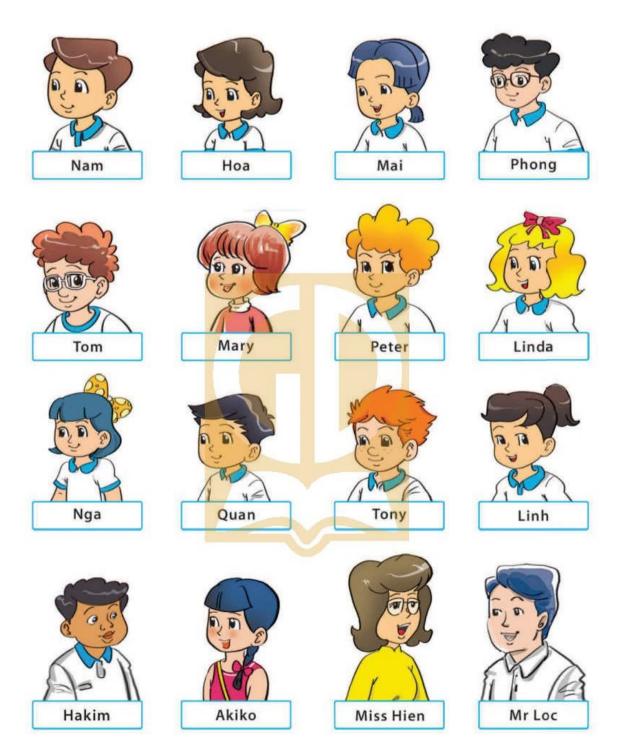
#### BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên) Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền Đào Ngọc Lộc, Trương Thị Ngọc Minh Với sự cộng tác của Ken Wilson









### Lời nói đầu

Tiếng Anh 4, Tập Một do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tổ chức biên soạn theo Chương trình thí điểm Tiếng Anh tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, với sự hợp tác chặt chẽ về chuyên môn và kĩ thuật của Nhà xuất bản Macmillan (MPC). Sách được biên soạn theo đường hướng giao tiếp, giúp học sinh bước đầu hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh, thông qua bốn kĩ năng nghe, nói, đọc và viết, trong đó ưu tiên phát triển hai kĩ năng nghe và nói.

Tiếng Anh 4, Tập Một xoay quanh hai chủ điểm giao tiếp gần gũi với học sinh: Me and My Friends, Me and My School. Mỗi chủ điểm được chia thành năm đơn vị bài học (Unit) tương ứng với năm chủ đề của chương trình. Sau năm đơn vị bài học là một bài ôn (Review) tập trung vào ôn tập và củng cố các kĩ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) và kiến thức ngôn ngữ cơ bản (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp).

**Tiếng Anh 4, Tập Một được biên soạn d**ựa trên những cơ sở lí luận và thực tiễn của việc dạy và học tiếng Anh tiểu học ở Việt Nam, có tính đến tâm lí lứa tuổi và giao lưu quốc tế.

Các tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các nhà giáo, phụ huynh học sinh và đông đảo bạn đọc quan tâm để sách được hoàn thiện hơn.

Các tác giả

# **BOOK MAP**

ME AND MY FRIENDS				
Competences	Sentence Patterns	Vocabulary	Phonics	
Unit 1 Nice to see you again		Page 6		
<ul> <li>Greeting and responding to greetings formally</li> <li>Saying and responding to goodbye</li> </ul>	<ul> <li>Good morning/Good afternoon/Good evening.</li> <li>Nice to see you again.</li> <li>Goodbye/Bye/Good night.</li> <li>See you tomorrow/See you later.</li> </ul>	morning, afternoon, evening, night, tomorrow, later, again, see, meet, Viet Nam, England	Linda night	
Unit 2 I'm from Japan		Page 12		
<ul> <li>Asking and answering questions about where someone is from</li> <li>Asking and answering questions about one's nationality</li> </ul>	<ul> <li>Where are you from? I'm from</li> <li>What nationality are you? I'm</li> </ul>	America, American, Australia, Australian, England, English, Japan, Japanese, Malaysia, Malaysian, Viet Nam, Vietnamese	Japan Vietnamese	
Unit 3 What day is it	today?	Page 18		
<ul> <li>Asking and answering questions about the days of the week</li> <li>Asking and answering questions about weekly activities</li> </ul>	<ul> <li>What day is it today? It's</li> <li>What do you do on + (name of the day)? I in the morning/in the afternoon.</li> </ul>	today, Monday, Tuesday, Wednesday, Thursday, Friday, Saturday, Sunday, English	first Thursday her	
Unit 4 When's your birthday?		Page 24		
<ul> <li>Asking and answering questions about dates</li> <li>Asking and answering questions about someone's birthday</li> </ul>	<ul> <li>What is the date today?</li> <li>It's</li> <li>When's your birthday?</li> <li>It's on the</li> </ul>	January, February, March, April, May, June, July, August, September, October, November, December, ordinal numbers	fourth March	
Unit 5 Can you swim	1?	Page 30		
<ul> <li>Asking and answering questions about what someone can/cannot do</li> <li>Asking and answering questions about whether someone can do something</li> </ul>	<ul> <li>What can you do?</li> <li>I can</li> <li>Can you?</li> <li>Yes, I can./No, I can't.</li> </ul>	can, ride, cook, skate, skip, sing, swim, swing, dance, play, guitar, piano, volleyball, table tennis, chess	sing swim	
Review 1		Page 36		

ME AND MY SCHOOL				
Competences	Sentence Patterns	Vocabulary	Phonics	
Unit 6 Where's your school? Page 40				
<ul> <li>Asking and answering questions about where a school is</li> <li>Asking and answering questions about what class someone is in</li> </ul>	<ul> <li>Where's your school?         It's in + (place).</li> <li>What class are you in?         I'm in Class</li> </ul>	street, road, village, district, address, class, school, study	school skipping street	
Unit 7 What do you l	ike doing?	Page 46		
<ul> <li>Asking and answering questions about what someone likes doing</li> <li>Asking and answering questions about someone's hobbies</li> </ul>	<ul> <li>What do you like doing?         I like + verb-ing + (noun).     </li> <li>What's your hobby?         I like + verb-ing + (noun).     </li> </ul>	swimming, cooking, collecting stamps, riding a bike, playing badminton, flying a kite, taking photographs, watching TV	flying playing	
<b>Unit 8 What subjects</b>	do you have today?	Page 52		
<ul> <li>Asking and answering questions about school subjects</li> <li>Asking and answering questions about when someone has a subject</li> </ul>	<ul> <li>What subjects do you have? I have</li> <li>When do you have? I have it on</li> </ul>	subject, IT (Information Technology), Maths, Music, Art, Science, Vietnamese, PE (Physical Education)	subje <mark>ct</mark> subje <mark>cts</mark>	
Unit 9 What are they doing? Page 58				
<ul> <li>Asking and answering questions about what someone is doing</li> <li>Asking and answering questions about what people are doing</li> </ul>	<ul> <li>What's he/she doing?         He's/She's</li> <li>What are they doing?         They're</li> </ul>	listen to music, read, write, paint, make, watch, video, text, dictation, mask, plane, puppet, exercise	mask text	
Unit 10 Where were	you yesterday?	Page 64		
<ul> <li>Asking and answering questions about where someone was in the past</li> <li>Asking and answering questions about what someone did in the past</li> </ul>	<ul> <li>Where were you yesterday? I was</li> <li>What did you do yesterday? I + verb-ed</li> </ul>	yesterday, at home, at the zoo, at school, on the beach, in the school library, listen, wash, water	listened watched painted	
Review 2		Page 70		
Glossary		Page 74		

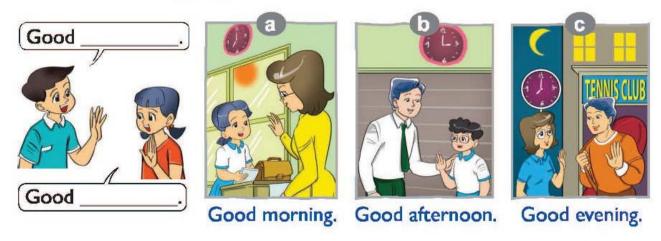
### Unit 1

## Nice to see you again





2 Point and say. 锅 🕮



Greet your teachers in the classroom or at school.





1. Good \_\_\_\_\_\_. 2. Good \_\_\_\_\_. 3. Good\_\_\_\_\_





🚺 Look, listen and repeat. 🚳 🚳 🍪







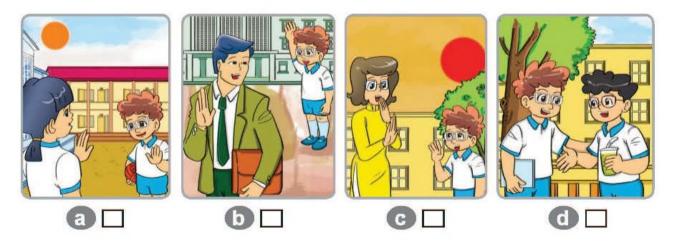


2 Point and say. 🙌 🕮



- 3 Let's talk. 🤏
  - Good \_\_\_\_\_\_. Nice to meet you.
  - Good\_\_\_\_\_\_. See you tomorrow.

### 4 Listen and number. 🚳 🥵



- 5 Look and write. 🚳 🦹
  - 1. A: Hello. I'm Mai. I'm from \_\_\_\_\_.

    B: Hello. I'm \_\_\_\_\_. I'm from America.



2. A: Good morning, \_\_\_\_\_.

B: \_\_\_\_\_, Tom. Nice to meet you.



3. A: \_\_\_\_\_, Mum.
B: \_\_\_\_\_, Tom.



6 Let's play. 🌃

